

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 13 tháng 4 năm 2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1). Ông Nguyễn Văn Tâm

2). Ông Đoàn Văn Quang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2021/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Hồng N, sinh năm xxxx (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Kim T, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Chợ 1, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Phan Hồng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2012, anh và chị Phan Thị Kim T tự quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Sau cưới, vợ chồng sống chung với gia đình vợ. Sống hạnh phúc đến năm 2018, do anh đi làm nghề biển lâu lâu trở về nhà gặp bạn bè có ăn nhậu thì vợ không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và bất đồng quan điểm trong cuộc sống không hàn gắn được. Từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng không còn chung sống và gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Kim T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Như Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx hiện đang sống với vợ. Ly hôn, anh đồng ý để vợ tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

\* Chị Phan Thị Kim T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng tại bản tự khai chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng đăng ký kết hôn tại thị trấn V và chung sống với gia đình vợ. Năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Nay anh N nộp đơn ly hôn, chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Như Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Hồng N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Kim T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, anh N có mặt. Chị Phan Thị Kim T đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần

2); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Anh Phan Hồng N và chị Phan Thị Kim T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 102/2013, quyển số 01 ngày 29 tháng 8 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống vợ chồng mâu thuẫn do anh N làm nghề biển khi trở về nhà gặp bạn bè ăn nhậu thì chị T không đồng ý nên vợ chồng xảy cựa cãi thường xuyên không hàn gắn được. Từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng anh chị không còn gặp nhau để trao đổi, hàn gắn tình cảm cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị Kim T.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh N và chị T không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham dự phiên tòa và có ý kiến về việc anh N xin ly hôn nhưng chị T vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà anh N đưa ra nên lời trình bày của anh N là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị Như Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx. Hiện con chung đang sống chung với chị T. Tại phiên tòa, anh N đồng ý giao cháu Y cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con của anh N là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện sinh hoạt hiện nay của con và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh N phải nộp án phí theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Phan Hồng N và chị Phan Thị Kim T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Thị Như Y, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx cho chị Phan Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Thị Như Y hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*

- Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Anh Phan Hồng N nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018191 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Anh N còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND thị trấn V, huyện G;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Vũ**